

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2025

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Minh Nhiễm

2. Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch I Ran

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2025

, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy Nh, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp Định Phú A, xã Long Th, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Chỗ ở: ấp Định Phú C, xã Long Th, Tiểu C, tỉnh Trà Vinh). Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng Ph, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp Định Phú A, xã Long Th, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

- *Con chung:* Cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 12/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Thùy V, sinh ngày 23/9/2015.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy Nh trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân, năm 2009 bà kết hôn với ông Nguyễn Hoàng Ph và đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã Long Th, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp, ông Ph có nhiều mối quan hệ bất chính bên ngoài, không tôn trọng bà và gia đình bà, còn nhiều lần đánh bà, vì không thể chịu đựng nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung, bà và ông Ph có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 12/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Thùy V, sinh ngày 23/9/2015, hiện sinh sống chung với bà nên bà yêu cầu nuôi sau khi ly hôn và không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung (tài sản chung, nợ chung), không có nên không có yêu cầu.

Tại các lời khai ngày 12 tháng 02 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy Nh trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân, bà Nh vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông Ph do không thể hàn gắn, vì từ tháng 11/2024 hai người không còn sinh sống chung nhà, ông Ph không chịu thay đổi, vẫn có mối quan hệ lãng nhăng với phụ nữ khác, Tết nguyên đán vừa rồi còn dẫn người phụ nữ khác về nhà giới thiệu là người yêu mới nên bà không còn tình cảm yêu thương và không muốn đoàn tụ trở về sống chung.

Hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 12/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Thùy V, sinh ngày 23/9/2015, bà vẫn giữ yêu cầu nuôi sau khi ly hôn và không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con. Bà đảm bảo có khả năng và điều kiện nuôi con tốt đến khi thành niên, bà có công việc và thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 15 – 16 triệu.

Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung (tài sản chung, nợ chung), bà Nh vẫn khai xác nhận không có nên không yêu cầu chia hoặc tranh chấp khi ly hôn.

Ngoài ra bà Nh không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng đương sự vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Con chung cháu cháu Nguyễn Hoàng N và cháu Nguyễn Thị Thùy V cùng trình bày cho rằng: hiện hai cháu đang sinh sống bà Nhiên và ông bà ngoại nên yêu cầu được ở chung với bà Nhiên và ông bà ngoại tiếp, không có nguyện vọng ở với ông Phươg.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành các giấy mời và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, bà Nh tự nguyện tiến tới hôn nhân với ông Ph, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình sống chung được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng 11/2024 đến nay, đương sự khẳng định không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên giữ yêu cầu ly hôn.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa: nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Ph và bà Nh đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không hàn gắn. Do đó, bà Nh yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp

nhận; 02 con chung hiện nay đã trên 07 tuổi đang sống chung bà Nh, sau ly hôn bà Nh yêu cầu nuôi tiếp và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do có thu nhập ổn định và đảm bảo khả năng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung bà Nh khai không có.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy Nh.

Về hôn nhân, đề nghị cho bà Nh ly hôn với ông Ph; Về con chung, đề nghị giao 02 con chung cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 12/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Thùy V, sinh ngày 23/9/2015 cho bà Nh nuôi dưỡng tiếp, việc bà Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên không giải quyết; đối với tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không giải quyết.

Án phí hôn nhân, đề nghị buộc nguyên đơn chịu theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của ông Nguyễn Hoàng Ph là vắng mặt đến lần thứ hai không lý do mà không có đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Xét việc cấp, tổng đạt thông báo, quyết định, giấy triệu tập ông Ph thực hiện tổng đạt trực tiếp và **niêm yết theo quy định tại điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bà Nguyễn Thị Thùy Nh là có đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 và điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự** vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại đơn khởi kiện, các lời trình bày của bà Nh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông Ph không chung thủy, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cự cãi, mâu thuẫn không thể hàn gắn và không còn sống chung từ tháng 11/2024 nên bà kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn. Đối với ông Ph trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn, nhưng đương sự không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, điều này thể hiện ông Nh có biết việc bà Nh yêu cầu ly hôn, mà không có văn bản phản đối hoặc yêu cầu phản tố. Xét hôn nhân của ông Ph với bà Nh là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Long Th, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Từ tháng 11/2024, hai người không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống, công việc riêng, hai bên không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân của hai người xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn trở về tiếp tục sống chung, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

[3] Quyền, nghĩa vụ về con chung, cháu Nguyễn Hoàng N sinh ngày 12/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Thùy V sinh ngày 23/9/2015 là con chung của ông Ph và bà Nh. Xét tại thời điểm giải quyết vụ án 02 cháu đủ 07 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án bà Nh yêu cầu nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng, đồng thời 02

cháu cũng có nguyện vọng yêu cầu được tiếp tục sinh sống cùng bà Nh. Nhận thấy, việc bà Nh yêu cầu nuôi con và không yêu cấp cấp dưỡng là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Hoàng N và cháu Nguyễn Thị Thùy V cho bà Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là thỏa đáng. Đồng thời ông Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định.

[4] Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung, đến thời điểm giải quyết vụ án bà Nh khai không có, ông Ph không có văn bản phản đối hoặc yêu cầu tranh chấp gì khác nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, theo Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy Nh.

1. Hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thùy Nh ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Ph.

2. Quyền, nghĩa vụ đối với con chung:

Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 12/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Thùy V, sinh ngày 23/9/2015 cho bà Nguyễn Thị Thùy Nh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Hoàng N và cháu Nguyễn Thị Thùy V cũng yêu cầu được ở với bà Nhiên

Vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đương sự đã được giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con nhưng đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa

án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Quyền tài sản chung: Không có, nên không giải quyết.

4. Nghĩa vụ tài sản chung: Không có, nên không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy Nh chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0006473 ngày 02/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, bà Nh đã nộp đủ, không phải nộp tiếp.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Kim Thị Hồng Nga